

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ  
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 20/05/2024*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

*Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu*

**Tập 81**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, tôi nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ bốn mươi.

**Cảm ngộ thứ nhất: Phật có bốn loại trí tuệ để giáo hóa chúng sanh, chúng sanh vì bốn nghi hoặc mà oan uổng rớt vào nghi thành.**

Phật có bốn loại trí tuệ. Đó là những trí tuệ nào?

1. Bất tư nghị trí;
2. Bất khả xưng trí;
3. Đại thừa quảng trí;
4. Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí.

Chúng ta nên nhận thức về bốn loại trí tuệ của Phật như thế nào?

1. Nhận thức về “bất tư nghị trí” của Phật

Trí tuệ của Phật uyên bác thâm sâu, ngoại trừ Phật ra không ai có thể suy lường. Bất tư nghị trí chính là thành sở tác trí trong quá trình chuyển thức thành trí. Trí tuệ này có thể làm được những việc không thể nghĩ bàn. Ví dụ: một niệm xưng danh vĩnh viễn tiêu trừ tội nặng trong nhiều kiếp; công đức của mười niệm có thể giúp vãng sanh về Tịnh độ ở ngoài tam giới. Đây không phải là điều chúng sanh có thể suy lường, cho nên gọi là bất tư nghị trí.

2. Nhận thức về “bất khả xưng trí” của Phật

Trí tuệ của Phật không có cùng tận, ngôn ngữ chẳng thể nào biểu đạt được. Bất khả xưng trí chính là diệu quan sát trí trong quá trình chuyển thức thành trí. Trí tuệ này có thể quan sát được những cảnh giới không thể suy lường, gọi là hết thảy pháp như huyễn như mộng, chẳng phải có, chẳng phải không, lìa ngôn ngữ, dứt suy tư.

### 3. Nhận thức về “Đại thừa quảng trí” của Phật

Trí tuệ của Phật thấu triệt nguồn gốc của tất cả pháp môn, không gì là không thông đạt. Đại thừa quảng trí chính là bình đẳng tánh trí trong quá trình chuyển thức thành trí. Trí tuệ này có thể rộng độ tất cả chúng sanh, bình đẳng nhiếp thọ, kẻ oán người thân đều bình đẳng, tất cả đều bình đẳng; phổ độ vô lượng chúng sanh cùng chứng vô thượng bồ-đề, gọi là Đại thừa quảng trí.

### 4. Nhận thức về “vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí” của Phật

Trí tuệ của Phật chẳng thể so sánh, hết thảy trí tuệ đều không bì kịp. Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí chính là đại viên kính trí trong quá trình chuyển thức thành trí. A-lại-da thức chuyển thành trí mới có thể thực sự trở về nguồn tâm. Tất cả chúng tử và cảnh giới không gì là không soi chiếu toàn vẹn, cho nên gọi là đại viên kính trí.

Tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, lời giải thích của đại sư về bốn loại trí tuệ của Phật thật xứng đáng gọi là tuyệt diệu!

“Chánh trí này giống như đồng lửa lớn, bốn mặt đều không thể vào, vào liền bị thiêu rụi. Giống như ao thanh lương, chung quanh thảy đều có thể tắm gội, tắm gội liền lìa khỏi cấu nhiễm. Giống như thuốc a-già-đà, trị khắp các bệnh. Giống như Chuyển luân thánh vương, thống lãnh bốn châu. Giống như Kim cang vương, có thể phá hoại tất cả mà không bị một vật nào phá hoại. Giống như hư không bao la, có thể dung chứa vạn tượng, mà chẳng một pháp nào có thể thoát ra ngoài.”

Chúng sanh có bốn nghi hoặc, đó là những nghi hoặc nào? Bốn nghi hoặc chính là bốn điều không tin:

1. Không tin bất tư nghị trí;
2. Không tin bất khả xưng trí;
3. Không tin Đại thừa quảng trí;
4. Không tin vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí.

Chúng sanh không tin vào bốn loại trí tuệ, cụ thể nghi hoặc điều gì?

Chúng sanh không tin bất tư nghị trí, hoài nghi niệm A-di-đà Phật chưa chắc có thể sanh về thế giới Cực Lạc. Họ không biết uy lực lớn của bất tư nghị trí mà sự suy lường chẳng thể thấu đạt. Họ dùng tình kiến hữu ngại của phàm phu để hoài nghi diệu pháp vô ngại của Như Lai. Chúng sanh không tin bất khả xưng

trí, hoài nghi sự “không đối lập” của bất khả xung trí. Tổ sư nói: bất khả xung trí không phải là thứ đối lập, mà là dứt sạch mọi đối đãi, chẳng thể suy lường. Chúng sanh đối với điều này có sự hoài nghi.

Chúng sanh không tin Đại thừa quảng trí, hoài nghi Phật không thể độ hết tất cả chúng sanh, lại hoài nghi nhiều chúng sanh niệm Phật như thế, thì sao đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc được? Họ đã khởi lên một suy nghĩ có hạn lượng đối với A-di-đà Phật, không biết diệu nghĩa “tâm này là Phật, tâm này làm Phật” mà Phật diễn bày. Phật khiến tất cả chúng sanh dùng niệm Phật để nhập vào vô niệm, nhờ vãng sanh mà chứng vô sanh; chúng sanh đối với điều này nghi hoặc không tin.

Chúng sanh không tin vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, hoài nghi Phật chưa đắc được nhất thiết chủng trí. Đối với pháp môn Tịnh độ do trí tuệ của Phật lưu hiện ra, họ cũng không thể sanh khởi chánh tín, do đó chiêu cảm quả báo sanh vào biên địa nghi thành.

Tác hại của bốn loại nghi hoặc này là gì?

Nếu không tiêu trừ sự nghi hoặc đối với bốn loại trí tuệ của Phật, cho dù sanh về Cực Lạc thì cũng chỉ có thể đến được biên địa, trong 500 năm không nghe được Phật pháp, không thấy được Phật; dẫu cho nghe được Phật pháp thì cũng không hiểu.

Làm thế nào để giải quyết vấn đề này?

Không ngừng tăng trưởng tín nguyện, trừ sạch mọi nghi hoặc.

Khiêm hạ và ngưỡng tin thì cũng có thể sanh về Tịnh độ Cực Lạc.

Dùng kinh luận của Phật và tổ sư làm chỗ nương tựa duy nhất.

Thật thà niệm A-di-đà Phật, chân thật y giáo phụng hành, không được tự mình nảy ra ý kiến riêng, không tạo ra thứ mới lạ, lập dị.

*Bốn trí của Phật giáo hóa chúng sanh*

*Bốn tâm hoài nghi dẫn vào nghi thành.*

*Ngưỡng tin trí Phật, ắt sanh Tịnh độ*

*Một niệm tâm nghi, cùng Phật cách ngăn.*

**Cảm ngộ thứ hai: tin lời Phật dạy, y giáo phụng hành.**

Quá trình học Phật của chúng ta chính là quá trình chuyển mê thành ngộ, cũng là quá trình khai mở trí tuệ. Học Phật chính là học theo Phật, học tập tư

tướng, ngôn luận và hành động của Phật; lấy Phật làm thầy, hướng về ngài mà noi theo, tin lời Phật dạy, y giáo phụng hành.

### 1. Học Phật phải bắt đầu từ việc làm người.

Làm thế nào mới có thể làm người tốt? Nhất định phải tuân theo chuẩn mực làm người, [đó là]: không làm các việc ác, vâng làm các việc lành. Đây là hai chuẩn mực cơ bản mà Phật giáo đề ra. Có thể nói, hai điều này chính là chuẩn mực làm người cơ bản, là cương lĩnh tu hành và là nền tảng để thành Phật của chúng ta.

Phật giáo yêu cầu tiêu chuẩn thiện ác rất cao: lợi người mới là thiện, lợi mình chính là ác; tổn người lợi mình thì càng là đại ác. Người thế gian thường nói “ích kỷ tự lợi”, “tổn người lợi mình”. Nhưng xét về mặt nhân quả thì tổn người nhất định không thể lợi mình mà chỉ nhận lấy ác báo; ích kỷ thì nhất định không thể tự lợi. Ích kỷ xuất phát từ “tiểu ngã”, làm tăng trưởng ngã chấp, sẽ không ra khỏi lục đạo luân hồi. Ích kỷ chính là nguồn gốc của tham sân si, sẽ khiến người đọa vào ba đường ác. Cho nên, ích kỷ tự lợi đều là ác, lợi người mới là thiện, điều này cũng phù hợp với quy luật nhân quả. Mình và người là một chứ không phải hai; lợi người là gieo nhân thiện, tự nhiên sẽ gặt quả thiện. Nếu xuất phát từ lòng lợi mình mà đi lợi người, thì đó không phải là gieo nhân thiện. Là thiện hay là ác, mấu chốt nằm ở chỗ bạn phát tâm như thế nào. Kinh Dịch nói: “Nhà tích điều thiện, ắt thừa niềm vui.” Đây chính là điều được quyết định bởi quy luật nhân quả xuyên suốt ba đời.

Xin nêu ra hai ví dụ cho mọi người:

Ví dụ thứ nhất: Phạm Trọng Yêm - nhà văn học, nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, là một cư sĩ Phật giáo thuần thành. Khi ông làm tể tướng, tuy ở địa vị cao sang nhưng chi tiêu trong gia đình lại vô cùng tiết kiệm. Ông có ba người con trai, nhưng chỉ sắm một bộ lễ phục, vì thế ba anh em không thể cùng lúc đi ra ngoài. Tiền lương bổng của ông, ngoại trừ giữ lại một phần rất nhỏ làm phí sinh hoạt, còn lại đều dùng hết vào việc cứu tế người nghèo. Ông còn lập ra “khu đất nghĩa tình của họ Phạm” ở Tô Châu để nuôi sống 300 gia đình. Đến khi ông qua đời, ngay cả chi phí an táng cũng không lo nổi. Thế nhưng, thiện báo rất lớn của ông được con cháu đời sau thừa hưởng:

Con trai của ông là Phạm Thuần Nhân làm quan đến chức tể tướng. Con cháu đời sau, đời đời đều xuất hiện nhân tài, hưng thịnh phát đạt mãi cho đến ngày nay.

Ví dụ thứ hai: Lâm Tắc Từ vào cuối thời nhà Thanh cũng là một tín đồ Phật giáo thuần thành. Khi ông làm khâm sai đại thần, mỗi lần đi tuần thú, tuy ngày lo muôn việc nhưng ông nhất định chép các bài khóa tụng như kinh A-di-đà thành một cuốn sổ nhỏ mang theo bên mình. Mỗi ngày ông đều dành ra thời gian nhất định để hoàn thành thời khóa sớm tối của mình. Đến nay vẫn còn lưu lại cuốn Hành Dư Nhật Khóa do chính tay Lâm Tắc Từ viết. Ông từng viết đôi câu đối: “Nếu là việc lợi nước, sống chết cũng phải làm; há vì họa phúc riêng mình mà tránh né hay theo đuổi.” “Biển dung nạp trăm sông, có bao dung mới trở nên to lớn; vách núi dựng đứng ngàn trượng, không ham muốn mới có thể kiên cường.” Trong sự kiện cấm thuốc phiện và tiêu hủy nha phiến, ông biết rất rõ rằng khi làm việc này, ông sẽ lập tức mất chức quan, thậm chí sẽ bị rơi đầu. Song ông đã có sự chuẩn bị tư tưởng đầy đủ, hoàn toàn không cân nhắc đến sự được mất của cá nhân, mà chỉ nghĩ đến lợi ích của quốc gia và dân tộc. Vì lợi ích của quốc gia và dân tộc, ông không tiếc thân mình để làm điều đó. Đây chính là “tôn mình lợi người”, chính là tu hạnh Bồ-tát.

Quả nhiên, sau khi thiêu hủy xong nha phiến, ông bị bãi chức tổng đốc Lương Quảng, còn bị đày đến vùng Tân Cương xa xôi. Do hoàn toàn không để tâm đến vinh nhục hay được mất của cá nhân, nên sau khi đến Tân Cương, ông lại đích thân quy hoạch công trình thủy lợi của Tân Cương, xây dựng hệ thống “kênh đào ngầm” mang lại phúc lợi cho người dân Tân Cương. Việc làm khi đó của ông nhìn thấy như chịu thiệt thòi, nhưng lại nhận được sự tôn kính của mọi người. Ông thực sự có tinh thần Bồ-tát, không mảy may lợi mình, chỉ có lợi người.

Hiện nay, tại bảo tàng sáp ở Luân Đôn - Anh quốc có trưng bày các nhân vật lịch sử nổi tiếng của các nước trên thế giới; về nhân vật lịch sử thời Thanh của nước ta, họ đã đặc biệt chọn tạc tượng Lâm Tắc Từ làm đại diện. Không cần nói cũng hiểu, lịch sử tự có sự công minh. Con cháu đời sau của ông Lâm Tắc Từ cũng vô cùng hưng vượng và phát đạt.

Hai ví dụ trên đã nêu rõ một đạo lý: hành thiện chính là lợi người, lợi người thực chất chính là lợi mình; nếu một người có thể tổn mình lợi người thì lại càng tuyệt vời hơn. Việc “tôn mình”, nhìn từ hiện tại thì dường như là bị “thiệt thòi”, nhưng nhìn về lâu dài, hành vi của bạn sẽ nhận được sự tôn trọng của người khác, và hành vi đó có thể cảm hóa người khác. Bản thân bạn tuy không cầu phúc báo, nhưng tự nhiên sẽ nhận được phúc báo càng lớn hơn.

Chúng ta học Phật, phải bắt đầu từ việc học làm người. Hiện nay có một số người tuy đang học Phật, nhưng lại làm trái với lời dạy của Phật, không thể y giáo phụng hành.

Ví dụ: không thể đối xử khoan dung với người, lại tùy tiện phỉ báng người khác. Khiến người khác chịu oan ức, bản thân bạn nhất định không đạt được bất kỳ lợi ích nào, bởi vì hại người rốt cuộc chính là hại mình. Sự việc chắc chắn sẽ bị phơi bày, người khác sẽ không tin vào những chiêu trò của bạn nữa, bạn đã đánh mất sự tin tưởng của mọi người dành cho mình. Bạn không chỉ hiện đang phạm tội phỉ báng, mà tương lai còn phải chịu ác báo của khẩu nghiệp. Bởi vì bạn xuất phát từ tâm đố kỵ, tâm sân hận, tâm báo thù, đây chính là gieo cái nhân đọa vào đường ác. Những người này cần phải sám hối tội nghiệp, thật thà mà làm người.

Ví dụ: chiếm đoạt tài sản của người khác, khiến người ta chịu tổn thất; bản thân trước mắt dường như đạt được lợi ích, nhưng tiếng ác của bạn đã truyền ra bên ngoài, nhất định sẽ bị dư luận khiển trách và pháp luật trừng trị. Tương lai còn phải chịu ác báo nghèo cùng khổ. Cho dù đời này bạn thoát khỏi sự trừng phạt của pháp luật, nhưng tuyệt đối không thể trốn thoát khỏi nhân quả.

## 2. Học Phật phải tin sâu nhân quả.

Học Phật nhất định phải tin sâu nhân quả thì mới có thể thiết lập được chánh tri chánh kiến. Nhân quả là cốt lõi của Phật pháp, không tin nhân quả thì không thể thực sự hiểu được Phật pháp, càng không thể đạt được lợi ích của Phật pháp. Đại sư Hư Vân nói: “Hai chữ nhân quả đã khái quát pháp mà Phật nói không dư sót.” Trong cuốn Phổ Môn Phẩm Giảng Nghĩa nói: “Thế Tôn thuyết pháp 49 năm, tóm gọn lại một câu, không ngoài bốn chữ ‘nhân quả báo ứng’ mà thôi. Cho nên, người tu học Phật pháp phải tin sâu luật nhân quả thiện ác mà Phật nói, thì tri kiến mới được coi là chính xác; bằng không, nếu không tin sâu luật nhân quả thiện ác mà Phật dạy, thì đó gọi là tà tri tà kiến.” Có thể thấy, không tin quy luật nhân quả chính là tà tri tà kiến, chính là ngu si.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã xếp “tin sâu nhân quả” vào chánh nhân tu tịnh nghiệp. Đại sư Hư Vân chỉ rõ: điều kiện tiên quyết để tu đạo chính là “tin sâu nhân quả”. Chúng ta chỉ có trên nền tảng tin sâu nhân quả mới có thể tự giác dứt ác làm lành. Như vậy, vừa có thể chuyển biến và tiêu trừ ác nghiệp trong quá khứ, vừa có thể vun bồi phước đức cho hiện tại và vị lai.

Chúng ta học Phật, nhất định phải làm việc theo quy luật nhân quả, không được làm sai nhân quả. Kinh Phật nói: “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.” Bồ-tát hiểu sâu nhân quả, biết rằng hễ gieo nhân ác ắt phải chịu quả báo ác. Thế nên, từ lời nói hành động cho đến khởi tâm động niệm, các ngài đều nghiêm ngặt phòng ngừa, không gieo nhân sai lầm. Ngược lại, phàm phu không sợ nhân quả, ngày thường buông lung tham sân si, phạm giết trộm dâm, ngang nhiên làm bừa, chuyện xấu gì cũng dám làm; đợi đến khi ác báo hiện tiền mới sợ hãi hối hận thì đã vô ích.

Người học Phật chúng ta nên học theo sự tu hành của Bồ-tát, một mặt tịnh hóa thân tâm, kiểm điểm lời nói hành động, mọi lúc mọi nơi đều dứt ác phòng lỗi, không gieo nhân ác nữa; mặt khác, luôn luôn suy nghĩ cho chúng sanh, làm nhiều việc lợi ích cho người, rộng gieo nhân thiện. Đây là con đường lớn xán lạn mà chúng ta nên tuân theo để lợi mình lợi người, đối với chính mình, đối với gia đình và xã hội đều có lợi ích. Muốn liễu sanh tử, thoát luân hồi, sanh Tịnh độ, thành Phật đạo, cũng nhất định phải bắt đầu từ đây.

Tóm lại mà nói, quy luật nhân quả là cốt tủy của Phật pháp, không hiểu nhân quả thì không hiểu Phật pháp; không tin quy luật nhân quả thì không đạt được lợi ích của Phật pháp. Mọi người đều nên nhận thức nhân quả, tin sâu nhân quả, làm việc theo quy luật nhân quả. Hiện tại gieo nhiều nhân thiện, nhất định sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước báo. Hiện tại gieo nhân niệm Phật, tương lai ắt gặt quả vắng sanh.

Ở đây, tôi nhắc nhở các đồng tu đang sống ở tiểu viện Lục Hòa rằng: các bạn phải cẩn trọng lời nói và hành động, ngàn vạn lần chớ có dựa vào sự yêu ghét của bản thân mà nói năng tùy tiện, nói lời xằng bậy. Các bạn phải “thanh toán hóa đơn” cho cái “nhân” của mỗi hành vi mình làm, của mỗi một lời mình nói, đây không phải chuyện đùa đâu. Chẳng phải trước đó đã có người vì “cái miệng nhanh nhẩu” mà tạo khẩu nghiệp rồi thọ báo đó sao? Có nhân ắt có quả, nhân quả báo ứng tơ hào không sai, ngàn vạn lần chớ dẫm vào vết xe đổ đó.

### 3. Học Phật nhất định phải nhẫn nhục.

Vì sao phải nhẫn nhục?

Nhẫn nhục, xét về pháp thế gian, đây là vấn đề tu dưỡng trong đạo làm người, trong cách đối nhân xử thế tiếp vật. Xét về pháp xuất thế gian, đây là pháp môn tu trì quan trọng để liễu sanh tử, thoát luân hồi.

Thế nào gọi là nhẫn nhục?

Nhẫn nhục chính là phải nhẫn chịu mọi thứ bất kể đến từ phương diện nào, những thứ gây ra cho mình đủ loại thống khổ về tâm lý lẫn sinh lý, đủ loại sỉ nhục; bao gồm cả việc không khởi tâm giận dữ, không kết oán thù, trong lòng không có ý ác. Đây là một vấn đề rất khó tu trì. Khi người khác đánh bạn, mắng bạn, đem đủ thứ chuyện oan ức đổ lên đầu bạn, gán cho bạn những tội danh không hề có, bạn nên đối xử như thế nào? Đây chính là vấn đề làm thế nào để trừ bỏ “ngã chấp” trong tu hành.

Trong kinh Kim Cang nói: “Biết tất cả pháp vô ngã, thành tựu nhờ nhẫn nhục.” Chúng ta muốn thực sự hiểu rõ tất cả pháp vô ngã, mấu chốt là tu nhẫn nhục, có như vậy mới đạt đến “tam luân thể không”. Tức là: không có ta, không có người, cũng không có việc người khác đánh ta mắng ta, như thế mới có thể liễu sanh tử, thoát luân hồi; bằng không sẽ bị ngã chấp làm chướng ngại.

Những điều nói trên vừa là vấn đề lý luận cao sâu, cũng vừa là cảnh giới phải hạ thủ công phu rất lớn trong thực hành thì mới mong đạt được. Chúng ta có thể thực sự lìa bỏ “ngã tướng”, nhận thức rằng xác thực là “vô ngã”, ta chỉ là cái thân do “tứ đại” giả hợp, đó là bốn yếu tố lớn: đất, lửa, nước, gió hội tụ lại mà thành. Sau khi tứ đại phân ly, biết tìm “ta” ở đâu? Chẳng trách chị tôi trước khi vãng sanh đã bảo tôi rằng: “Cái xác thịt này ngọc lắm, nó chẳng biết gì đâu.” Nếu có thể xác nhận là không có “ta”, đương nhiên sẽ không có “người”, cũng không có những việc đánh bạn, mắng bạn, sỉ nhục bạn nữa. Không ta, không người, không việc, chính là giải quyết vấn đề từ gốc rễ. Nếu như còn ngã tướng thì khi gặp vấn đề sẽ kết oán kết thù. Phật pháp nói “oán thân bình đẳng”, thực sự hiểu được oán và thân có thể chuyển hóa lẫn nhau, thì sẽ không kết oán thù với người khác. Điều này nói ra thì rất đơn giản, nhưng làm được lại rất khó. Công đức tu nhẫn nhục rất lớn.

Tiếp theo, tôi nói về việc tu nhẫn nhục có những công đức gì? Chúng ta nên tu nhẫn nhục như thế nào?

Nhẫn nhục có lợi cho việc tự độ độ người, tự hành hóa tha.

Thiền sư Bách Trượng nói: “Đúng sai lấy không tranh biện làm giải thoát.” Đây là câu cách ngôn hay nhất về hạnh nhẫn nhục.

Thiền tông có một công án như sau:

Có một vị đại Thiền sư cảnh giới tu hành rất cao, rất đức độ, công phu nhẫn nhục của ngài rất cừ khôi. Cả gia đình một đại hộ pháp ở địa phương đều hết lòng tôn kính ngài, thường xuyên đến chùa hộ trì cúng dường ngài. Con gái của vị đại

hộ pháp đó tư thông với một chàng trai rồi sinh ra một đứa con. Người cha tra khảo con gái, hỏi người đàn ông đó là ai? Cô con gái bị dồn vào đường cùng, bèn nói với cha rằng đó chính là vị hòa thượng mà ông sùng kính nhất. Người cha nổi trận lôi đình, mắng nhiếc thiền sư thậm tệ rồi đem đứa trẻ sơ sinh đến giao cho ngài.

Thiền sư không vì việc này mà biện minh lấy một lời. Mỗi ngày ngài đều ra ngoài đi xin một ít sữa người để nuôi đứa trẻ. Mặc cho người khác bàn tán chế giễu ra sao, ngài vẫn không nói một lời, ngài vừa tu hành vừa chăm sóc đứa bé. Chàng thanh niên kia đã bị cảm động, bèn nói ra chân tướng sự thật. Gia đình vị đại hộ pháp dùng lễ đến tạ lỗi với thiền sư, ngài cũng chỉ cười cho qua chuyện. Đây tuyệt đối không phải người thường có thể làm được, Thiền sư thực sự đã làm được “tam luân thể không”.

Nếu chúng ta làm theo yêu cầu của nhân nhục thì sẽ bồi dưỡng được đức hạnh và nhân cách của bản thân, đồng thời cảm hóa được người khác. Tự hành hay hóa tha đều phải dựa vào nhân nhục, như thế mới có thể tự độ và độ người. Cho nên khi đối nhân xử thế, chúng ta phải đặt chữ “nhẫn” lên hàng đầu.

Nhẫn nhục có lợi cho việc trì giới, đắc định và khai mở trí tuệ.

“Trì giới chính là nhẫn nhục.” Bởi vì trì giới chính là yêu cầu chúng ta phải nhẫn, phải nhẫn chịu tất cả, những gì bình thường không nhẫn được cũng đều phải nhẫn. Nếu chúng ta có thể tu nhẫn nhục ba-la-mật thì sẽ không phạm giới. Trì giới yêu cầu điều gì không nên làm thì không làm, người thực sự có thể nhẫn mới có thể hết lòng trì giới. Có thể trì giới tu hành rất tốt thì mới có được định lực, mới có công phu thiền định, mới có thể khai mở trí tuệ. Cho nên nói, giới là nền tảng, song trì giới và nhẫn nhục có quan hệ mật thiết, không thể nhẫn nhục thì không thể hết lòng trì giới.

Nhẫn nhục có lợi cho việc tiêu trừ nghiệp chướng.

Khi chúng ta gặp phải những khổ nạn, cho đến đủ loại nhục mạ từ người khác, đó chính là cơ duyên tốt để tiêu trừ nghiệp chướng của mình. Khi bị người khác mắng nhiếc, sỉ nhục, nên nghĩ rằng họ đang giúp ta tiêu nghiệp chướng. Do vậy, người mắng ta cũng chính là thiện tri thức của ta. Nhà Nho cũng giảng đạo lý này: “Người nói điều xấu của ta chính là thầy ta”, nghĩa là người nói những lời xấu về chúng ta chính là thầy giáo của chúng ta. Chúng ta nên làm được “có lỗi thì sửa, không lỗi thì cố gắng”. Lão hòa thượng Quảng Khâm nói: “Chúng ta bị người khác công kích, phê bình, chúng ta đều nên nhẫn chịu. Ngay cả khi bị oan

ức cũng phải nhẫn chịu, lại còn phải cảm ơn họ, vì họ đã giúp bạn tiêu trừ nghiệp chướng.” Ngài đã nói như vậy và làm như vậy, là tấm gương sáng cho chúng ta học tập.

Xét từ nhân quả ba đời, tuyệt đối không có quả nào mà không có nhân. Người khác sở dĩ vu oan cho ta, hủy báng ta, chính là do trước kia ta đã gieo cái nhân có lỗi với họ. Hiểu rõ đạo lý này thì mới không khởi tâm sân hận, ngược lại còn cảm ơn họ vì đã giúp ta tiêu trừ nghiệp chướng.

Nhẫn nhục có thể giúp vun bồi phước đức.

Vun bồi phước đức phải dựa vào mức độ bao dung. Có thể bao dung người là phước báo rất lớn. Bồ-tát Di-lặc nói: “Bao dung cả trời đất, với người có gì không thể bao dung.” Trời đất còn bao dung được, bao dung người có khó khăn gì? Có thể bao dung và nhẫn nhịn chính là suối nguồn của phước báo. Khó nhẫn mà vẫn nhẫn được thì lại càng gieo trồng phước đức to lớn. Xét về pháp thế gian, trong đời nhân xử thế mà học được cách nhẫn nhục, học được cách chịu thiệt, cũng là phương pháp rất tốt để vun bồi phước đức.

Có một người cha viết cho con trai sáu chữ: “chịu thiệt, chịu ức, nhẫn nại”. Sáu chữ này chính là muốn con tu nhẫn nhục. Rèn lòng nhẫn nại cũng là một nội dung quan trọng của việc tu nhẫn nhục. Người cha thường bảo con: “Thiệt thòi là phước, phải chịu thiệt thì mới có phước báo. Con có thể chịu được uất ức là tăng thêm lòng độ lượng; con có thể bao dung, có thể chịu đựng, thì khí lượng mới mở mang. Chịu thiệt, chịu ức mà trong lòng không sanh phiền não, đó cũng là phương diện quan trọng để nâng cao phẩm đức của chính mình.” Đây là một người cha có trí tuệ, lời dạy sáu chữ ấy đã giúp con trai ông thọ dụng cả một đời. Người con ấy sau này đã thành tựu, ngài chính là vị cao tăng trong Phật môn - pháp sư Xương Trăn<sup>1</sup>.

Nhẫn nhục có thể giải trừ phiền não, có lợi cho việc tu tâm thanh tịnh.

---

<sup>1</sup> Pháp sư Xương Trăn (1917 - 2009), nguyên Trụ trì chùa Báo Quốc, huyện Lạc Chí, tỉnh Tứ Xuyên. Ngài là người thành phố Thành Đô, họ tục là Trương, hiệu Diệu Thủ; sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống tin Phật và y học lâu đời.

Sau khi tốt nghiệp đại học, vào những năm 40 của thế kỷ trước, ngài đã thi đỗ văn quan thời dân quốc với thành tích ưu tú. Từ năm 1946 đến 1949, ngài giữ chức Huyện trưởng huyện Tây Sung, tỉnh Tứ Xuyên. Sau năm 1950, ngài là giảng viên tại Học viện Lâm nghiệp Tứ Xuyên.

Thời trẻ, ngài từng theo học thiền với Hòa thượng Thánh Khâm, sau đó quy y với Thượng sư Phổ Khâm để học Mật tông. Sau khi đọc “Ấn Quang Đại Sư Văn Sao”, ngài tự nhận thấy căn cơ tương hợp nên chuyển sang chuyên tu Tịnh độ. Vào thập niên 80, ngài tham gia biên soạn bộ “Tứ Xuyên Tỉnh Phật Giáo Chí”, giảng dạy tại Phật học viện Không Lâm (chùa Văn-thù), viết nhiều luận văn Phật học và dốc lòng hoàng pháp.

Năm 1992, ngài y chỉ với bậc cao tăng Ly Dục thượng nhân để thế phát xuất gia, đảm nhiệm chức trụ trì chùa Báo Quốc (Lạc Chí), kiêm Giáo vụ trưởng Phật học viện tỉnh Tứ Xuyên và giảng viên Học viện Ni chúng Tứ Xuyên. Lão pháp sư Xương Trăn đã xả báo viên tịch vào lúc 8 giờ sáng ngày 26 tháng 12.

Chúng ta từ sáng đến tối đều ở trong phiền não. Khi phiền não đến, phải dựa vào tâm nhẫn nhục của chính mình để chuyển hóa phiền não thành bồ-đề, đó chính là tu tâm thanh tịnh. Phải hiểu rằng: “Tất cả các pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng.” Ban đêm nằm mộng, ban ngày cũng là đang nằm mộng. Cảnh mộng vốn dĩ là không, làm gì có ta và người, đúng và sai, cũng chẳng có ai đang sỉ nhục ta cả. Nếu chúng ta có thể xem mọi việc như mộng huyễn bọt bóng, dùng quan điểm này để đối mặt với mọi vấn đề, thì tự nhiên có thể giải trừ phiền não. Phiền não phải dựa vào điều này để giải quyết, tuyệt đối không thể nói trốn đến một nơi nào đó là có thể tiêu trừ phiền não, càng không thể dựa vào người khác để tiêu trừ phiền não. Phiền não phải dựa vào pháp môn nhẫn nhục để giải trừ, chuyển phiền não thành bồ-đề, chuyển phiền não thành tâm thanh tịnh.

Nhẫn nhục có lợi cho việc tinh tấn tu hành.

“Chuyện gì cũng nhẫn nhịn được thì mới có tiến bộ.” Cho dù bạn cho rằng mình đúng, cũng phải hướng về người khác mà sám hối: “Bạn đã đúng, tôi sai rồi.” Hơn nữa, đây phải là lời nói chân thật xuất phát từ trong tâm, chứ không phải miệng nói một đằng tâm nghĩ một nẻo. Có như vậy, sự tu hành của bạn sẽ có tiến bộ lớn, đó chính là công đức của bạn.

Chúng ta học Phật, tu hạnh Bồ-tát là dùng tinh thần xuất thế để làm sự nghiệp nhập thế. “Chẳng vì chính mình cầu an lạc” chính là vô ngã; “chỉ mong chúng sanh được lìa khổ” chính là lợi tha. Phải có thể vô ngã, lợi tha thì mới là tu hạnh Bồ-tát. Bằng không, chỗ nào cũng chấp ngã, việc gì cũng sa vào đúng sai ta người, quanh đi quẩn lại cũng giống như việc tranh danh đoạt lợi ngoài xã hội, đều là tạo tội nghiệp, gieo nhân ác. Chúng ta phải dùng tinh thần xuất thế để làm tốt công tác hoằng pháp lợi sanh.

Nhẫn nhục có lợi cho việc rộng kết thiện duyên, xử lý tốt các mối quan hệ với con người.

Chúng ta tu hạnh Bồ-tát chính là để giáo hóa chúng sanh, phục vụ chúng sanh. Các mối quan hệ nhân tế rất rộng lớn, cần phải xử lý tốt các mối quan hệ này. Rộng kết thiện duyên mới có lợi cho công tác hoằng pháp lợi sanh, mấu chốt của vấn đề này chính là nhất định phải nhẫn nhục. Làm việc cho chúng sanh khó tránh khỏi gặp phải đủ thứ chuyện chẳng thể hiểu nổi, thậm chí là phỉ báng. Thực ra, nếu chúng ta có thể nhẫn nhục, thời gian lâu dần, mọi người sẽ thay đổi cách nhìn về chúng ta. Cho nên: “Đúng sai lấy không tranh biện làm giải thoát”, đây là tốt nhất.

Có đệ tử hỏi Phật: người nào có sức mạnh lớn nhất? Phật đáp: người tu nhẫn nhục có sức mạnh lớn nhất, bởi vì người đó hiểu rõ nhân và pháp đều không, nội tâm vững vàng an nhàn, không ôm giữ mây may ý ác, tự nhiên được người kính trọng, mới có thể trên thành Phật đạo vô thượng, dưới hóa độ vô biên hữu tình; đó mới là người có sức mạnh lớn nhất. Điều này hiển lộ ra ánh sáng của nhân cách.

Chúng ta đối nhân xử thế cũng phải dùng thái độ khoan dung, đây là phương pháp bậc nhất trong đối nhân xử thế. Nếu bạn biết dùng phương pháp bậc nhất này, thì người dù khó chung sống đến đâu cũng có thể chung sống. Một người không có lòng bao dung thì vừa không có phước báo, lại vừa chẳng làm nên việc gì.

Nhẫn nhục có thể được tướng hảo trang nghiêm.

Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật là do phước đức tu nhẫn nhục độ chúng sanh trong nhiều đời nhiều kiếp hiển hiện ra. Người có tâm tốt thì tướng mạo cũng sẽ tốt; người có thể nhẫn nhục thì trong tâm không có ý ác, đương nhiên tướng mạo sẽ tốt. Đây chính là “tướng chuyển theo tâm”. Vì chúng ta có thể tu nhẫn nhục rất tốt, tâm địa ắt sẽ thiện lương, tướng mạo ắt sẽ trang nghiêm.

Tu nhẫn nhục cần bước ra khỏi một số sai lầm.

Sai lầm thứ nhất: Không thể nhịn nổi.

Hạng người này biết nhẫn nhục là quan trọng và không nhẫn nhục là nguy hại, nhưng hễ gặp chuyện là không nhịn nổi cơn giận, muốn không chế cũng không không chế được. Đây là tập khí từ nhiều đời nhiều kiếp, cách làm này đi ngược lại với tu hành.

Sai lầm thứ hai: người hiền bị bắt nạt, ngựa lành bị người cưỡi.

Phật giáo giảng nhân quả ba đời, không thể thấy người hiền bị bắt nạt mà cho rằng không thể làm người hiền. Mọi người phải nhớ rằng: “Người ác, người sợ trời không sợ; người thiện, người khinh trời không khinh, thiện ác sau cùng đều có báo, chỉ là sớm hay muộn mà thôi.”

Sai lầm thứ ba: nhẫn nhịn là yếu đuối, càng nhẫn nhịn người khác càng bắt nạt bạn.

Người có thể nhẫn là bậc đại nhân có sức mạnh. Nhẫn không phải là yếu đuối mà là sức mạnh. Sức mạnh này chỉ cho sức mạnh cảm hóa người khác; nhân

cách đạo đức có thể khiến người khác bị cảm hóa, người này chính là bậc đại trượng phu.

Sai lầm thứ tư: tâm lượng nhỏ chẳng phải quân tử, không độc ác không phải trượng phu.

Câu “không độc ác không phải trượng phu” là do truyền sai đọc nhầm, đúng ra phải là “không độ lượng không phải trượng phu”. “Độ lượng” ở đây chỉ cho tâm lượng, khí lượng. “Tâm lượng nhỏ chẳng phải quân tử, không độ lượng không phải trượng phu” là một câu cách ngôn rất tốt, không được hiểu sai.

Sai lầm thứ năm: nhường nhịn là chịu thiệt.

Có người nói: “Nhường nhịn là chịu thiệt, tôi không muốn chịu thiệt.” Phật giáo cho rằng thiệt thòi chính là phước. Chúng ta phải dùng Phật pháp làm kim chỉ nam cho cuộc đời, làm chuẩn mực đối nhân xử thế. Phải luôn học cách chịu thiệt, phải có ý niệm trả nợ; chúng ta trả sạch nợ sớm ngày nào thì càng có lợi cho việc quét trừ chướng ngại trong tu hành ngày đó.

Sai lầm thứ sáu: nhân cách không thể bị xúc phạm.

Có người nói: “Bạn bắt nạt tôi, sỉ nhục tôi là nhục mạ nhân cách của tôi, nhân cách của tôi không thể bị xúc phạm.” Đứng trên quan điểm Phật pháp mà xét, tu hạnh Bồ-tát, nhẫn chịu sự sỉ nhục của người khác không những không ảnh hưởng đến nhân cách của mình, mà ngược lại còn hiển lộ nhân cách cao thượng của chúng ta.

Sai lầm thứ bảy: tôi đúng, bạn sai.

Đây là sai lầm mà đa số mọi người đều dễ mắc phải. Vốn dĩ tôi đúng, vì sao tôi phải nhận lỗi? Nghĩ không thông! Nếu bạn vượt qua được khúc quanh này, đổi “tôi đúng, bạn sai” thành “tôi sai, bạn đúng”, cảnh giới của bạn sẽ được nâng tầm, tương ứng với lời dạy của Phật.

Sai lầm thứ tám: cái tính của tôi là thế, không chịu thiệt được, không nhịn nhục được.

Cái tính này chính là tập khí. Quá trình tu hành chính là quá trình sửa đổi tập khí. Tu hành mà không sửa tập khí thì không thể học Phật. Dẫu có học Phật cũng không đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp.

Sai lầm thứ chín: biết rõ mình sai, nhưng không nhận lỗi, cố giữ sĩ diện.

Xin mọi người chú ý bốn câu dưới đây:

*Cố giữ sĩ diện thì mất mặt  
Khư khư ý mình thì mất mặt  
Thấu tình đạt lý mới có mặt  
Nhận sai sửa lỗi càng thêm mặt.*

Những điều nói trên đều là tập khí của phàm phu. Đúc kết lại, thứ căn bản gây ra họa chính là ngã chấp và ngã kiến kiên cố. Tất cả đều có cái “tôi” thì sẽ sanh khởi tâm oán giận, tâm ngã mạn, gieo xuống nhân ác. Điều này chướng ngại chúng ta học Phật, chướng ngại chúng ta giải thoát khỏi biên khổ sanh tử. Các đồng tu, hãy nâng cao cảnh giác!

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!